

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18/4/2022  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Tô Văn Nhung

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; thường trú: Số 453A tổ 12 khu 7, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Phan Kim T, sinh năm 1968; thường trú: Số 453A tổ 12 khu 7, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn C có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 25/3/2022, bà Phan Kim T vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Kim T tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An (nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương vào ngày 17/6/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/KH, quyền số 01/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, ngột ngạt, gây mệt mỏi cho nhau. Bà T bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay, không có bất kỳ liên hệ nào với gia đình, ông C không biết Bà T đang ở

đầu. Nay, ông C xác định không còn tình cảm với Bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Thanh.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2004. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Về phía bị đơn bà Phan Kim T:*

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và yêu cầu bà Phan Kim T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của ông Nguyễn Văn C nhưng bà Phan Kim T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/3/2022 nhưng Bà T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông C.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, ông Nguyễn Văn C và bà Phan Kim T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện bà T đã bỏ đi không rõ nơi cư trú. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại số 453A tổ 12 khu 7, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo biên bản xác minh ngày 12/01/2022 của Tòa án tại Công an phường Bình An, thành phố Dĩ An xác định bị đơn bà Phan Kim T có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 453A tổ 12 khu 7, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhưng thực tế không sinh sống tại địa chỉ trên, hiện Bà T đang sinh sống tại đâu chính quyền địa phương không rõ. Ngày 27/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã ban hành quyết định giải quyết việc dân sự tuyên bố bà Phan Kim T mất tích.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bà Phan Kim T về làm việc nhưng Bà T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Bà Phan Kim T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên

tòa vào ngày 12/4/2022 và ngày 18/4/2022 nhưng bà Phan Kim T vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An (nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương vào ngày 17/6/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/KH, quyển số 01/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Ông Nguyễn Văn C xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, Bà T đã bỏ nhà đi từ năm 2018, cuộc sống gia đình và việc chăm sóc các con do một mình ông C quán xuyến. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc ông C không còn tình cảm và muốn yêu cầu ly hôn với bà T. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bản thân bà Phan Kim T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập bà T đến tham gia phiên hòa giải để hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ bà T không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của ông C đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Nguyễn Văn C yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2004. Hiện nay, con chung đã trưởng thành, ông Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Phan Kim T. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/KH, quyền số 01/2004, do Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An (nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/6/2004).

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn C đã nộp theo biên lai số 0003370 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình An, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng**